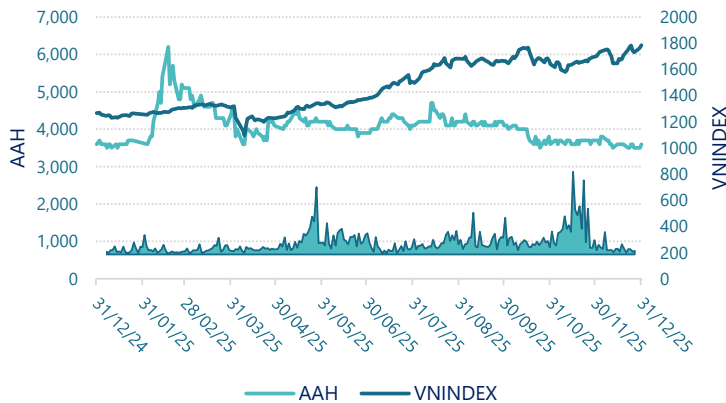




CTCP Hợp Nhất (UPCOM: AAH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	117,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	907,195
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	424
P/E	-186.1
EPS	-19

DT thuần

Q4/25

108

tỷ VNĐ

QoQ: ▼137| -55.9%

YoY: ▼339| -75.8%

LN sau thuế

Q4/25

-13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.7| -22774%

YoY: ▼19.9| -316%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.7%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

2025

844

tỷ VNĐ

YoY: ▼328| -28.0%

LN sau thuế

2025

-2.28

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.2| -119%

ROE

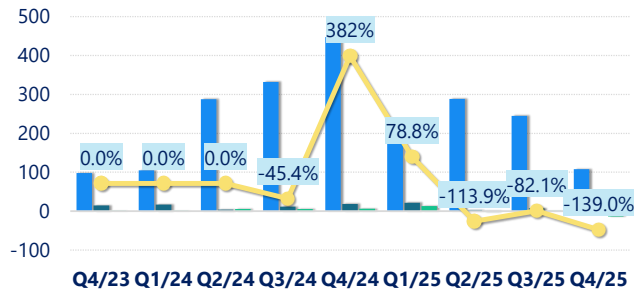
2025

-0.2%

+/- YoY: ▼ 1.2%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

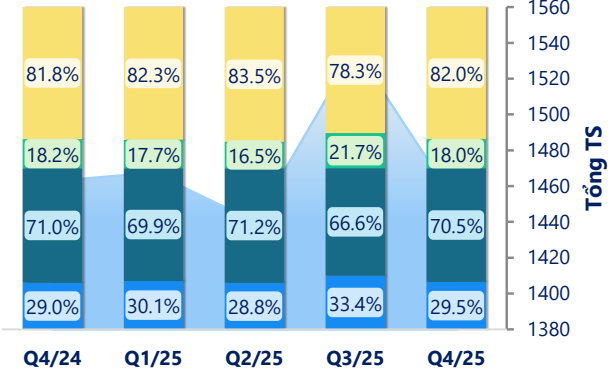


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

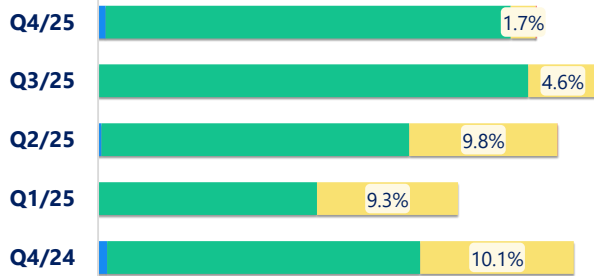
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

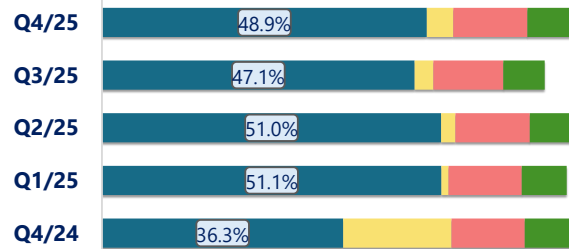
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

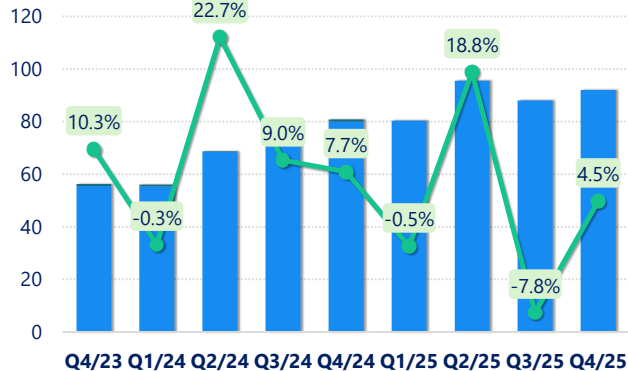


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

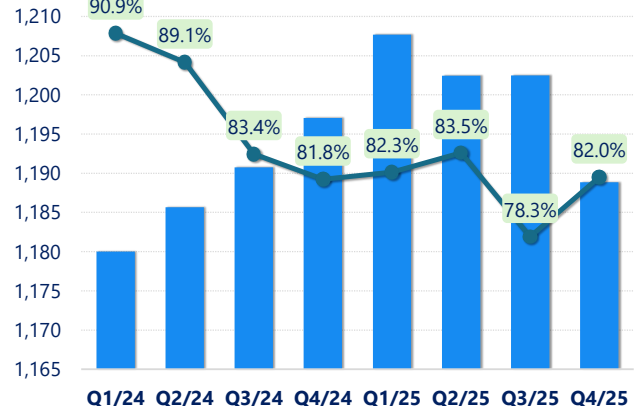


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

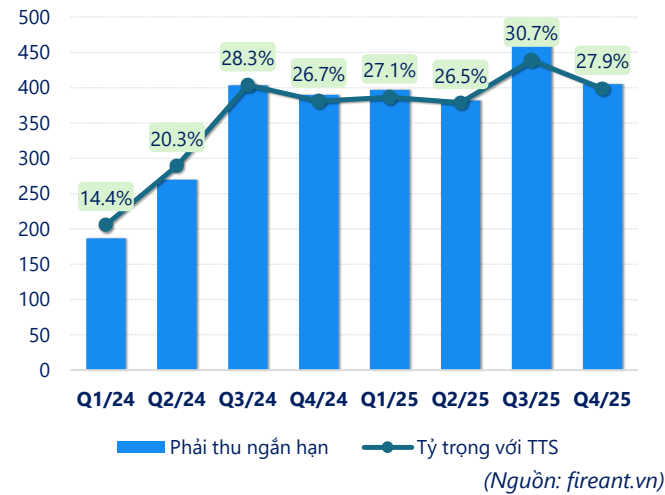
Vốn chủ sở hữu



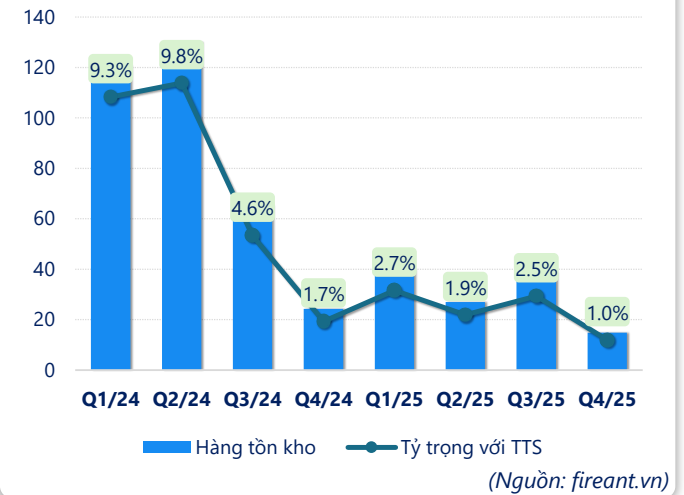
Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

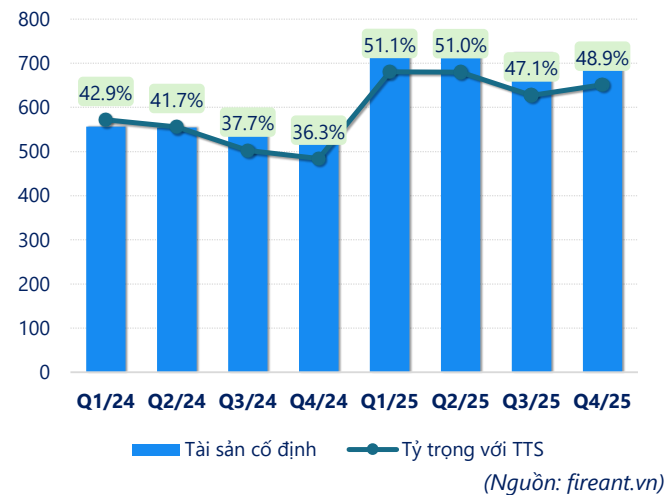
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


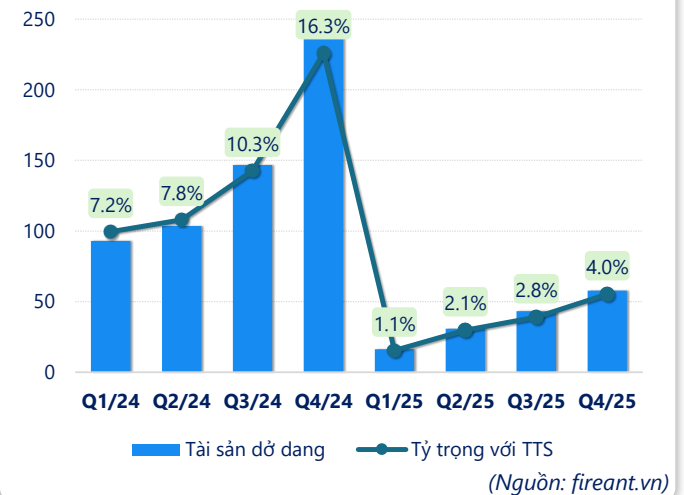
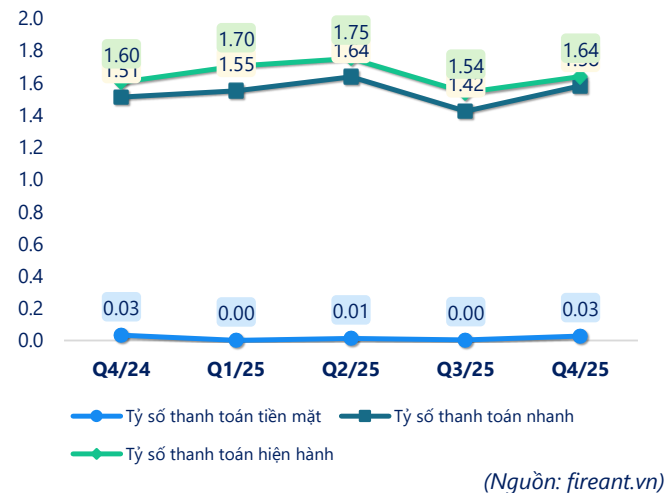
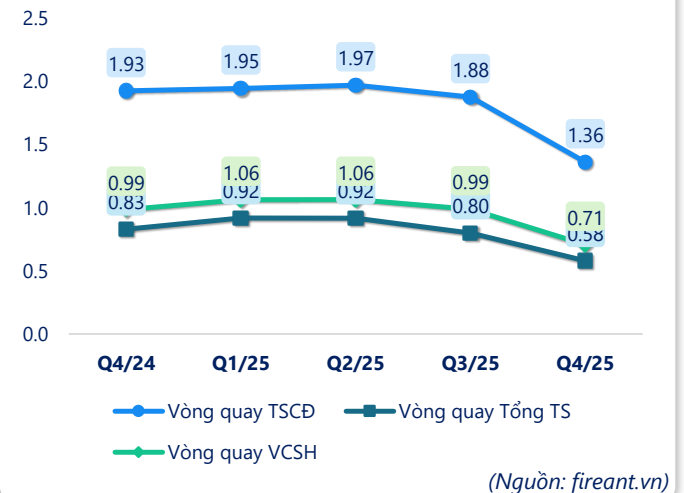
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,463	1,468	1,440	1,536	1,450
Tài sản ngắn hạn	424	442	415	513	427
Tiền và tương đương tiền	8.74	0.27	3.25	0.94	7.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	4.10	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	390	397	382	472	405
Hàng tồn kho	24.2	39.7	27.0	38.6	14.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	0.46	3.21	1.87	0.51
Tài sản dài hạn	1,039	1,026	1,025	1,023	1,023
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	531	749	735	723	709
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	238	16.3	30.9	43.1	57.8
Đầu tư tài chính dài hạn	161	161	161	161	161
Tài sản dài hạn khác	108	99.1	98.1	95.9	94.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	266	260	238	334	262
Nợ ngắn hạn	264	259	237	333	261
Vay và nợ thuê ngắn hạn	80.1	80.4	95.5	88.0	92.0
Phải trả người bán ngắn hạn	135	109	68.7	169	115
Nợ dài hạn	1.43	0.71	0.71	0.71	0.71
Vay và nợ thuê dài hạn	0.72	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,197	1,208	1,202	1,202	1,189
Vốn chủ sở hữu	1,197	1,208	1,202	1,202	1,189
Vốn điều lệ	1,179	1,179	1,179	1,179	1,179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)